

Số: **335** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **12** tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về quản lý công tác thi đua,
khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tại Tờ trình số 38/TTr-BTĐKT ngày 26 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 26/02/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Quy định quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban TĐ-KT Trung ương (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC-Ph.

30

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bón

QUY ĐỊNH

Về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 335 /QĐ-UBND

ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này cụ thể hóa pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng hiện hành trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ, cá nhân, tập thể được khen thưởng.

2. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi là đơn vị, địa phương), hộ gia đình, công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua
 - a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
 - b) Đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển.
2. Nguyên tắc khen thưởng
 - a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
 - b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;
 - c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
 - d) Khen thưởng phải bảo đảm đầy đủ hồ sơ, điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định;
 - đ) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

Điều 4. Căn cứ xét thi đua, khen thưởng

1. Căn cứ xét thi đua

- a) Phong trào thi đua;
- b) Đăng ký thi đua;
- c) Thành tích thi đua;
- d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ xét khen thưởng

- a) Tiêu chuẩn khen thưởng;
- b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;
- c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 5. Quy định chung về khen thưởng

1. Việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích để làm căn cứ xét khen thưởng do người đứng đầu các đơn vị, địa phương quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Thời điểm xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng đối với ngành giáo dục: Các đơn vị hành chính thực hiện theo năm kế hoạch; các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo năm học.

3. Không đề nghị tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được; tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức khen thưởng mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền hình thức đó. Không đề nghị tặng 02 loại Huân chương hoặc tặng Huân chương và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 01 thành tích.

4. Trong một năm

a) Không đề nghị cấp trên xét tặng 02 hình thức khen thưởng cấp nhà nước (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc khen thưởng quá trình công hiến).

b) Đối với cá nhân khi xét khen thưởng cuối năm chỉ đề nghị một hình thức tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

5. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn; không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ, nhân viên bảo vệ, lái xe, văn thư...) người dân tộc thiểu số và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác; tập thể nhỏ, tập thể vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hộ gia đình.

7. Khi xét khen thưởng người đứng đầu đơn vị, địa phương phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

8. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cũng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

9. Khi các cá nhân có cùng điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn ưu tiên theo thứ tự: Dân tộc thiểu số, nữ.

Đối với các đơn vị, địa phương có người dân tộc thiểu số (các huyện, thị xã, ngành giáo dục, y tế...) khi xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng thường xuyên phải quan tâm đề nghị khen thưởng cho cá nhân là người dân tộc thiểu số.

10. Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

11. Các đơn vị, địa phương xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho các cơ sở giáo dục, y tế ngoài công lập thuộc các đơn vị, địa phương quản lý.

12. Không xét khen thưởng đối với các trường hợp đang xem xét xử lý kỷ luật, có đơn thư khiếu nại, tố cáo nhưng chưa xác minh, làm rõ.

13. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ trước 03 tháng; nếu quá thời hạn trên đơn vị, địa phương phải bổ sung thành tích của tập thể, cá nhân.

Điều 6. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ và Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh về xét sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Nghiêm cấm các hành vi

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi;
2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua;
3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng;
4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật;
5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Chương II **THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA**

Mục 1

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI ĐUA

Điều 8. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của đơn vị, địa phương. Đối tượng thi đua thường xuyên là thi đua giữa các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị, địa phương hoặc giữa các đơn vị, địa phương có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng đơn vị, địa phương, các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của đơn vị, địa phương. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 9. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện. Phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua. Các chỉ tiêu và nội dung thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của các tập thể, cá nhân.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt các đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

5. Đối với đợt thi đua có thời gian từ 01 năm trở lên phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

6. Khi tiến hành sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua. Chỉ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng khi tổng kết các phong trào thi đua chuyên đề có xây dựng tiêu chí thi đua cụ thể và đăng ký thi đua với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Thủ trưởng các đơn vị, địa phương, các cụm, khối thi đua chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân khen thưởng được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm và phong trào thi đua chuyên đề của đơn vị, địa phương phát động.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm.

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua. Đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh về nội dung và tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan thông tin tuyên truyền của tỉnh

Các cơ quan thông tin tuyên truyền của tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) và các đơn vị có liên quan thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Các danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể: Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ, Thôn, bon, buôn, Tổ dân phố văn hóa, Gia đình văn hóa.

Điều 14. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Điều kiện xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

1. Tiêu chuẩn, tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Mục 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình tại đơn vị quy định tỷ lệ công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” cho cán bộ quản lý (có phụ cấp chức vụ) trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở nhưng không quá quy định như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính không vượt quá 50 % cán bộ quản lý;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp không quá 25% cán bộ quản lý.

3. Thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 16. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại Mục 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trong năm đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

a) Đối với cá nhân là thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thì cơ quan, đơn vị, địa phương, phòng, ban phải đó phải được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

c) Đối với lãnh đạo các đơn vị kinh tế thì đơn vị phải hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với nhà nước.

Điều 17. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo quy định tại Mục 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 18. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng: Các đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quy định đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

3. Thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 19: Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng quy định như sau:

a) Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc UBND tỉnh: Các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng;

b) Đối với cấp tỉnh: Các Phòng, Ban, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

c) Đối với cấp huyện: Các Phòng, Ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, UBND cấp xã.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp: Trường học, Bệnh viện và tương đương.

3. Tỷ lệ công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 40% số tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của đơn vị (tính trong số tập thể thuộc đối tượng công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”).

Điều 20. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được Chủ tịch UBND dân tỉnh xét tặng hàng năm cho tập thể là đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua đạt các tiêu chuẩn, theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối với các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương phải được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đánh giá, phân loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm.

3. Đối với các đơn vị thuộc các huyện, thị xã; các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương phải được UBND công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

Điều 21. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Danh hiệu “Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa”

Tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng danh hiệu “Thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng .

Điều 23. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 24. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

a) Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

b) Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội.

5. Khen thưởng quá trình công hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức

chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Mục 2

HUÂN CHƯƠNG; DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC; GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH, GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC; HUY HIỆU

Điều 25. Huân chương

Huân chương do Chủ tịch nước quyết định tặng cho tập thể có nhiều thành tích; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công trạng, lập được thành tích hoặc có quá trình cống hiến trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể, gồm:

1. Huân chương Sao vàng: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 34 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 14 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Huân chương Hồ Chí Minh: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 15 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Huân chương Độc lập hạng nhất, hạng nhì, hạng ba: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 36, 37, 38 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 16, 17, 18 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Huân chương Lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 42, 43, 44 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 22, 23, 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 26. Danh hiệu vinh dự nhà nước

Danh hiệu vinh dự nhà nước do Chủ tịch nước quyết định tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gồm:

1. Tỉnh Anh hùng, Thành phố Anh hùng: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 58a Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

3. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật thi đua, khen thưởng.

4. Anh hùng Lao động: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật thi đua, khen thưởng.

5. Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2015 của Chính phủ.

6. Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ.

7. Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ.

8. Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính Phủ.

Điều 27. Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước

Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại các Điều 66, 67, 68 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 28. Huy hiệu

Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tên, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu.

Huy hiệu phải được đăng ký với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trước khi ban hành.

Mục 3

BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 29. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ xét tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, cụ thể:

a) Khu vực thành thị từ 300 triệu đồng trở lên (đối với hộ gia đình dân tộc thiểu số từ 250 triệu đồng trở lên);

b) Khu vực nông thôn từ 250 triệu đồng trở lên (đối với hộ gia đình dân tộc thiểu số từ 200 triệu đồng trở lên).

Điều 30. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho các tập thể, cá nhân, gia đình đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho giáo viên, học sinh trong tỉnh đạt thành tích cao tại các kỳ thi, cụ thể như sau:

a) Học sinh đạt giải tại các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế.

b) Học sinh đạt giải tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

c) Học sinh đạt giải Nhất (đối với học sinh dân tộc thiểu số đạt giải nhất, nhì, ba) kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa.

d) Giáo viên đạt giải nhất, nhì, ba tại các cuộc thi giáo viên dạy giỏi quốc gia.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân trong tỉnh đạt thành tích tại các hội thi, hội diễn, giải thi đấu, cụ thể như sau:

- a) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng trong các cuộc thi quốc tế.
- b) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc.
- c) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc tại giải vô địch quốc gia (nằm trong hệ thống chương trình thi đấu giải quốc gia).
- d) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc.

đ) Tập thể giải nhất, nhì toàn đoàn; cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc.

e) Tập thể đạt giải nhất, nhì, ba toàn đoàn tại Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh.

g) Tập thể đạt giải nhất, nhì, ba toàn đoàn (hoặc giải A, B, C); Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng (hoặc giải A, B, C) và đạo diễn, diễn viên, tuyên truyền viên xuất sắc tại Hội thi, Hội diễn, Liên hoan cấp quốc tế.

h) Tập thể đạt giải nhất toàn đoàn (hoặc giải A); Cá nhân đạt huy chương vàng (hoặc giải A), đạo diễn, diễn viên, tuyên truyền viên xuất sắc tại Hội thi, Hội diễn, Liên hoan cấp quốc gia.

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác thu ngân sách tỉnh.

Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng

5. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu của tỉnh có nhiều thành tích trong sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tân sinh viên đạt thành tích cao tại kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia hàng năm.

Giao Ban Thường vụ Tỉnh đoàn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

7. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

Giao Công an tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

8. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho học sinh đạt giải trong cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc.

Giao Hội Liên hiệp Khoa học kỹ thuật tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

9. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, cụ thể:

a) Khu vực thành thị từ 100 triệu đồng trở lên (đối với hộ gia đình dân tộc thiểu số từ 75 triệu đồng trở lên);

b) Khu vực nông thôn từ 75 triệu đồng trở lên (đối với hộ gia đình dân tộc thiểu số từ 50 triệu đồng trở lên).

Giao UBND các huyện, thị xã chủ trì xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

10. Một số quy định chung về đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen:

a) Trong một năm chỉ xét tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh một lần đối với khen thưởng theo chuyên đề.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích thường xuyên cho các tập thể thuộc các cụm, khối thi đua cấp tỉnh, khối thi đua các Hợp tác xã do các cụm, khối thi đua xét đề nghị căn cứ vào kết quả thi đua giữa các đơn vị trong các cụm, khối thi đua.

c) Đối các phong trào thi đua do các Bộ, Ban, ngành phát động khi đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen phải có hướng dẫn xét khen thưởng của các Bộ, Ban, ngành.

d) Đối với đề nghị khen thưởng thành tích không có trong quy định tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều này phải có chủ trương đồng ý của UBND tỉnh trước khi đề nghị khen thưởng.

đ) Khen thưởng đối ngoại (tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển của địa phương): Đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài phải có chủ trương đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy.

e) Các đơn vị, địa phương đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống khi có Chủ trương đồng ý của Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh và thời gian đề nghị tính theo mốc năm chẵn (10 năm, 20 năm ...)

Các đơn vị, địa phương phải xây dựng phong trào thi đua và hướng dẫn khen thưởng (quy định đối tượng, số lượng, tiêu chí cụ thể) nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống và đăng ký với Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh.

g) Khi xét khen thưởng chuyên đề, chủ yếu khen tập thể nhỏ và cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề. Đối với cán bộ lãnh đạo tham gia trong Ban chỉ đạo hoặc Ban tổ chức thì thành tích được tính chung vào nhiệm vụ để xét khen thưởng cuối năm.

Điều 31. Giấy khen

Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen quy định tại Điều 74, 75, 76 Luật thi đua, khen thưởng và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC,
HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Mục 1
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TRAO TẶNG

Điều 32. Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Giám đốc các doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, tặng Giấy khen.

Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, tặng Giấy khen và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

Điều 33. Trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

Việc tổ chức, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua và Công văn số 800/UBND-NC ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc tổ chức trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Mục 2
THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ

Điều 34. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ

1. Cá nhân đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

3. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp

tinh, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đối với doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng.

4. Khi xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, Hội đồng thi đua cấp cơ sở phải họp và bỏ phiếu kín; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

5. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) lấy ý kiến về các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng cấp nhà nước trên các phương tiện thông tin truyền thông trong thời hạn 15 ngày làm việc.

6. Các đơn vị, UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 35. Tuyến trình khen thưởng

Thực hiện theo Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 36. Thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu tập thể lao động xuất sắc

- a) Tờ trình đề nghị xét danh hiệu thi đua của đơn vị, địa phương;
- b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương;
- c) Báo cáo thành tích của tập thể (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Hồ sơ xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các tập thể có thành tích trong hoạt động của các cụm, khối thi đua thực hiện theo quy định của UBND tỉnh tại quy định tổ chức và hoạt động của cụm, khối thi đua tỉnh.

3. Hồ sơ xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

- a) Tờ trình đề nghị xét danh hiệu thi đua của đơn vị, địa phương;
- b) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương;
- c) Báo cáo thành tích của cá nhân (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ);

d) Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

Kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp đề nghị khen thưởng cho cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

4. Hồ sơ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị, địa phương

b) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương.

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ);

- Kèm theo chứng nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (đối với tập thể, cá nhân) và chứng nhận 02 sáng kiến cấp cơ sở (đối với cá nhân) khi đề nghị khen thưởng thường xuyên.

- Kèm theo chứng nhận thành tích đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng thành tích tại Khoản 2, 3, 8 Điều 30 Quy định này.

- Kèm theo hướng dẫn xét khen thưởng của các bộ, ban, ngành khi đề nghị khen thưởng các phong trào thi đua do các Bộ, Ban, ngành phát động.

- Kèm theo chủ trương đồng ý khen thưởng của UBND tỉnh khi đề nghị khen thưởng các thành tích không có trong quy định của UBND tỉnh.

- Kèm theo chủ trương đồng ý khen thưởng của Thường trực Tỉnh ủy khi đề nghị khen thưởng đối ngoại (tập thể, hộ gia đình, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển của địa phương).

- Kèm theo Chủ trương đồng ý khen thưởng của Tỉnh ủy hoặc UBND dân tỉnh khi đề nghị khen thưởng nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống.

- Kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp đề nghị khen thưởng cho cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

4. Hồ sơ xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị, địa phương;

b) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng đơn vị, địa phương;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ);

- Kèm theo chứng nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05 năm liên tục (đối với tập thể, cá nhân) và chứng nhận 05 sáng kiến cấp cơ sở (đối với cá nhân) khi đề nghị khen thưởng thường xuyên.

- Kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp đề nghị khen thưởng cho đơn vị hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

4. Hồ sơ xét tặng Huân chương các loại

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị, địa phương

b) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng đơn vị, địa phương.

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ);

- Kèm theo xác nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền trong trường hợp đề nghị khen thưởng do có phát minh, sáng chế, sáng kiến.

- Kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp đề nghị khen thưởng cho đơn vị hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

5. Số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng: 2 bản chính (không đóng tập).

b) Hồ sơ đề nghị Trung ương khen thưởng: 05 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng, 06 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng (đóng tập). Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các cá nhân là thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh gửi thêm 1 bản báo cáo thành tích để hiệp y.

4. Những trường hợp được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu nhiệm chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị, địa phương;

- Bản tóm tắt thành tích của đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, mục đích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

5. Khi nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng thường xuyên đơn vị, địa phương gửi kèm theo hồ sơ:

- Kết quả đánh giá phân loại tập thể đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị;

- Quyết định công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, lao động tiên tiến và Chiến sĩ thi đua của đơn vị.

Điều 37. Thời gian nộp hồ sơ khen thưởng

Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng gửi về Trung tâm hành chính công tỉnh; hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, thời gian quy định như sau:

1. Đề nghị khen thưởng thường xuyên: Trước ngày 10/02 hàng năm

Các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo bình xét khen thưởng theo năm học, thời gian nộp hồ sơ khen thưởng chậm nhất trước ngày 15/7 hàng năm.

2. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo đợt (chuyên đề) trước ngày sơ kết, tổng kết ít nhất 15 ngày (không tính thời gian xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Không nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng sau thời gian quy định tại khoản 1 điều này. Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh đối với trường hợp đơn vị nộp hồ sơ không đúng theo thời gian quy định.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 38. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm có trách nhiệm tổ chức triển khai những nội dung sau:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh) phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trên phạm vi cấp tỉnh.

Điều 39. Đào tạo, bồi dưỡng

Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm thi đua, khen thưởng.

Điều 40. Thanh tra, kiểm tra

Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu cho Hội đồng thi đua, khen thưởng xây dựng kế hoạch hàng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 41. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Mục 2, 3 Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh (gọi chung là cấp cơ sở).

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở là cơ quan tham mưu cho thủ trưởng các đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng. Thủ trưởng đơn vị, địa phương quyết định thành lập Hội đồng.

b) Thành phần Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng đơn vị, địa phương; Phó Chủ tịch thường trực là thủ trưởng cơ quan tham mưu công tác thi đua, khen thưởng cấp cơ sở; Các Phó Chủ tịch và ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

- Xây dựng quy chế hoạt động;
- Tham mưu cho lãnh đạo các đơn vị, địa phương phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;
- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;
- Tham mưu cho lãnh đạo các đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;
- Tham mưu cho lãnh đạo các đơn vị, địa phương quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

d) Thường trực Hội đồng là cơ quan tham mưu công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 42. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

2. Nguồn và mức trích quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Quỹ thi đua, khen thưởng cấp huyện do Phòng Nội vụ huyện (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng) quản lý.

Điều 43. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng

Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng danh hiệu thi đua, huân chương các loại, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”, Bằng khen, Giấy khen, Huy chương

Thực hiện theo quy định tại điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các quyền lợi khác

Cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, đoàn thể trung ương, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, được tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, ngoài việc được khen thưởng theo quy định, được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 44. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 45. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 46. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 47. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc thu hồi danh hiệu

Thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức phát động thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam có trách nhiệm tổ chức phát động các phong trào thi đua, chủ động

phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng. Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình tiên tiến.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện Quy định này.

4. Các đơn vị, địa phương xây dựng Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị, địa phương.

5. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các tập thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. / nr2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn
Nguyễn Bốn